

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày 06-9-2019  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn  
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Chung Quốc Hội**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

2. Ông **Trịnh Phước Đức**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lâm Thanh Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc:** Bà **Cao Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2019/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, Kiên Giang

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Cao K**, sinh năm 1971. (Vắng mặt lần thứ hai)

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn C, huyện D, Kiên Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai tại phiên tòa bà Lê Thị H trình bày:** Bà H và ông K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa ngày 13-11-2001.

Nguyên nhân bà H xin ly hôn: Bà H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2006 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xung đột, thường xuyên cự cãi và ngày càng trầm trọng hơn. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên vợ chồng ly thân khoảng 06 đến 07 năm nay.

Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng có hai người con tên Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 03-6-2002 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09-4-2006 hiện nay do bà H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi hai người con tên Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 03-6-2002 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09-4-2006. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

### **Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và thu thập đầy đủ chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án. Ngày 12-3-2019 bà H đóng tiền tạm ứng án phí nhưng đến ngày 02-4-2019 mới thụ lý vụ án đã vi phạm khoản 3 Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông K.

Về con chung: Giao cho bà H nuôi hai người con tên Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 03-6-2002 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09-4-2006. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, nên không xem xét. Trường hợp có tranh chấp tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho ông Nguyễn Cao K thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định

đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Tuy nhiên ông Khanh đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông Nguyễn Cao K.

[2] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Việc Thẩm phán đã vi phạm thời hạn thụ lý vụ án, Thẩm phán sẽ rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết vụ án sau này.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa ngày 13-11-2001 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông K, Tòa án triệu tập ông K nhiều lần nhưng ông K vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông K không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Cao K.

[4] Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng chung sống có hai người con tên Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 03-6-2002 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09-4-2006 hiện nay bà đang nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con, ông K cũng không có ý kiến gì về việc này. Tại biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Đ, cháu Q thể hiện muốn được sống với bà H. Sau khi xem xét yêu cầu của bà H và nguyện vọng các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cho bà H tiếp tục nuôi hai người con tên Nguyễn Cao Đ và Nguyễn Minh Q.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này bà H và ông K không thỏa thuận được và có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28; 35; 147; 266, 271; 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Cao K.

2. Về con chung: Giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng hai người con tên Nguyễn Cao Đ, sinh ngày 03-6-2002 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 09-4-2006. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà H xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông K không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của bà H, trường hợp bà H và ông K không thỏa thuận được và có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng. Bà H đã tạm nộp 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002417 ngày 12-3-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí, bà H không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THADS huyện Phú Quốc;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Chung Quốc Hội**